TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2025
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huế T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2001 (Trần Quế T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2001); Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Thái D, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1998; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2025 và bản tự khai ngày 28 tháng 4 năm 2025 của nguyên đơn chị Trần Thị Huế T trình bày: Vào năm 2020, chị và anh Hồ Thái D sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TTT, huyện HN. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống bên gia đình anh D. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung là Hồ Phúc Th, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Hồ Phúc S, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2022. Đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân không có hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Thái D. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Phúc Th, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Hồ Phúc S, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2022, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không nợ anh chị, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh Hồ Thái D đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Huế T được ly hôn với anh Hồ Thái D; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Hồ Phúc Th, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Hồ Phúc S, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2022 cho chị Trần Thị Huế T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Hồ Thái D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Huế T trình bày không có, còn anh Hồ Thái D không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Huế T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hồ Thái D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Huế T và anh Hồ Thái D là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huế T đối với anh Hồ Thái D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị T thì cuộc sống của chị và anh D không còn hạnh phúc từ đầu năm 2023 do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân không có hàn gắn tình cảm được. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh D hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Trần Thị Huế T ly hôn với anh Hồ Thái D.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Trần Thị Huế T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Phúc Th, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Hồ Phúc S, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2022, không yêu cầu anh Hồ Thái D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh D không còn sống chung và cho đến hiện tại thì 02 con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định cho 02 cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không buộc anh D cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Huế T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Hồ Thái D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huế T, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Huế T và anh Hồ Thái D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị Huế T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Hồ Phúc Th, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Hồ Phúc S, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2022.

2.2. Anh Hồ Thái D không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Huế T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014547 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND TT.TTT, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng